

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch hội đồng quản trị Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Song Li Wei	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

Giám đốc

Ông Lê Hải Đường	Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 26/03/2019)
Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/03/2019)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Zhang Zheng Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch hội đồng quản trị Văn phòng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Zhang Zheng Ming
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: 191 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Văn phòng Công ty”), được lập ngày 29/03/2019, từ trang 04 đến trang 18, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm đầu năm, cuối năm, cụ thể là:

Đơn vị: VND

<u>Tài khoản</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	165.606.125	165.606.121
Phải trả khác	309.657.243	350.404.738

Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Tại ngày 31/12/2018, Văn phòng Công ty có một số khoản công nợ khách hàng đã quá hạn thanh toán với giá trị là 3.235.223.709 VND. Tuy nhiên Văn phòng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo tài chính. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cho các khoản phải thu này và các ảnh hưởng khác, nếu có, đến các chỉ tiêu khác được trình bày trong báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, mục “Hoạt động liên tục” của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2018, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9,08 tỷ VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 3,3 tỷ VND; Điều này dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Văn phòng Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.



[Signature]
Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, Ngày 29 tháng 03 năm 2019

[Signature]
Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.491.437.500	15.153.831.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.236.149.627	4.515.508.836
1. Tiền	111	4	1.236.149.627	4.515.508.836
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.957.452.438	10.592.675.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	14.313.206.719	6.857.271.715
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.750.000	1.186.424.320
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		11.566.667	10.378.700
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	4.361.375.024	4.640.225.255
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.635.823.689	2.305.645.193
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.407.269.661)	(4.407.269.661)
III. Hàng tồn kho	140	9	228.338.842	25.309.218
1. Hàng tồn kho	141		228.338.842	25.309.218
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		69.496.593	20.337.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	66.702.249	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	17.543.084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.794.344	2.794.344
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.316.786	623.018.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	100.000.000
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		50.000.000	50.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	50.000.000
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	9	69.529.614	517.214.230
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.529.614	517.214.230
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.787.172	5.804.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.787.172	5.804.170
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.614.754.286	15.776.849.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.550.067.937	5.655.345.305
I. Nợ ngắn hạn	310		8.256.067.937	5.361.345.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.292.210.098	3.041.270.698
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.588.007.754	1.843.894.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	274.658.660	4.494.494
4. Phải trả người lao động	314		85.534.182	377.094.548
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	38.186.753
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	15.657.243	56.404.738
II. Nợ dài hạn	330		294.000.000	294.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	294.000.000	294.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.064.686.349	10.121.504.099
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	11.064.686.349	10.121.504.099
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.082.180.239)	(10.025.362.489)
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.025.362.489)	(6.062.706.233)
- Lợi nhuận/(lỗ) năm nay	421b		943.182.250	(3.962.656.256)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		19.614.754.286	15.776.849.404



Zhang Zheng Ming
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.733.857.899	368.136.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1	7.733.857.899	368.136.519
4. Giá vốn hàng bán	11	2	3.343.295.146	155.676.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.390.562.753	212.459.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		266.386	491.411
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3	1.716.935.394	2.343.324.172
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		2.673.893.745	(2.130.373.061)
9. Thu nhập khác	31		325.108.988	1.500.027
10. Chi phí khác	32	21	2.055.820.483	1.833.783.195
11. Lỗ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.730.711.495)	(1.832.283.168)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		943.182.250	(3.962.656.229)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		943.182.250	(3.962.656.229)



Zhang Zheng Ming
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	943.182.250	(3.962.656.229)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(266.386)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	942.915.864	(3.962.656.229)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.297.233.832)	3.200.993.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	244.654.992	(25.309.218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.894.722.632	(411.381.545)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(64.685.251)	25.867.345
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(7.415.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.279.625.595)	(1.179.901.081)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	266.386	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	266.386	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.279.359.209)	(1.179.901.081)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.515.508.836	5.695.409.917
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.236.149.627	4.515.508.836



Zhang Zheng Ming
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, Ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 8 số 0102403985 ngày 22 tháng 05 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đến ngày 17/01/2019 là: S3, T17, toà nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ giao dịch kể từ ngày 18/01/2019: Phòng 1201, tầng 12, tòa nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thay đổi trụ sở chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9 người).

Cổ phiếu của Văn phòng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Văn phòng Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình dân dụng và kỹ thuật khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn và thiết kế xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9,08 tỷ VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 3,3 tỷ VND, nợ phải thu quá hạn thanh toán là 6,48 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty bị thu hẹp, ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Theo đánh giá của Chủ tịch hội đồng quản trị, Văn phòng Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Ngoài Văn phòng Công ty, Công ty có một đơn vị thành viên trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Trung tâm tư vấn PVPE	Số 302 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Chủ tịch hội đồng quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Văn phòng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Văn phòng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính và các khoản vay.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Văn phòng Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dự vào đánh giá của Chủ tịch hội đồng quản trị về các khoản hợp đồng đã thoả thuận trừ đi chỉ ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian không quá 3 năm đối, đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch hội đồng quản trị về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	318.035	1.955.398
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.235.831.592	4.513.553.438
Cộng	1.236.149.627	4.515.508.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14.313.206.719		6.857.271.715	
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	1.218.910.405		1.218.910.405	
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162		1.020.503.162	
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	3.813.661.390		4.183.661.390	
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.825.935.000		-	
Khách hàng khác	434.196.762		434.196.758	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	12.660.099.552		5.204.164.552	
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162		1.020.503.162	
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	3.813.661.390		4.183.661.390	
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.825.935.000		-	

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	4.361.375.024	4.138.319.061	4.640.225.255	4.138.319.061
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.963	-	223.055.963	-
Hợp đồng bãi xi Thái Bình	-	-	278.850.231	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư. Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Văn phòng Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế với chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi của các khoản này không chắc chắn và phải phụ thuộc vào kết quả đàm phán trong tương lai. Văn phòng Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng các khoản này nếu trong thời gian tới không được tiến hành nghiệm thu với chủ đầu tư.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.635.823.689	268.950.600	2.305.645.193	268.950.600
Zhang Zheng Ming (i) - Bên liên quan	3.255.299.938	-	1.974.475.942	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600	268.950.600	268.950.600
Tạm ứng công nhân viên	56.231.500	-	56.877.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	50.000.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.341.651	-	5.341.651	-
b) Phải thu khác dài hạn	-	-	50.000.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	-	-	50.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tạm ứng cho ông Zhang Zheng Ming, Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ xấu	4.407.269.661	-	4.407.269.661	-
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	-	268.950.600	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	228.338.842	25.309.218
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	176.771.680	25.309.218
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	51.567.162	-
b) Dài hạn	69.529.614	517.214.230
Công trình nhiệt điện Quảng Trạch	-	447.684.616
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	66.702.249	-
Các khoản khác	66.702.249	-
b) Dài hạn	3.787.172	5.804.170
Các khoản khác	3.787.172	5.804.170

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm với giá trị là 525.112.545 VND (tại ngày đầu năm là 525.112.545 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6.292.210.098	6.292.210.098	3.041.270.698	3.041.270.698
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Công ty Cổ phần Kinh Bắc	2.929.080.200	2.929.080.200	-	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD Thủy lợi Việt Nam	340.336.868	340.336.868	340.336.868	340.336.868
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng	201.709.200	201.709.200	-	-
Đối tượng khác	120.150.000	120.150.000	-	-

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước	1.588.007.754	1.843.894.074
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	255.886.320
b) Bên liên quan		
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	255.886.320

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế TNDN	2.794.344	-	-	2.794.344
Cộng	2.794.344	-	2.794.344	-
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	256.900.611	256.900.611	-	-
Thuế TNCN	17.758.049	39.433.133	26.169.578	4.494.494
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	274.658.660	299.333.744	29.169.578	4.494.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	15.657.243	56.404.738
Kinh phí công đoàn	5.422.566	5.416.050
Phải trả ngắn hạn khác	10.234.677	50.988.688
b) Phải trả dài hạn khác	294.000.000	294.000.000
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	294.000.000

Ghi chú:

(i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCD-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2018 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Văn phòng Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong 12 tháng tiếp theo nên phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(5.414.983.650)	14.731.882.938
Lỗ trong năm	-	-	(3.962.656.256)	(3.962.656.256)
Điều chỉnh	-	-	(647.722.583)	(647.722.583)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(10.025.362.489)	10.121.504.099
Lãi trong năm	-	-	943.182.250	943.182.250
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(9.082.180.239)	11.064.686.349

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 22/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Văn phòng Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Chi tiết góp vốn của các cổ đông

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,90%	4.980.000.000	24,90%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,60%	1.919.000.000	9,60%
Ông Zang Ping	1.431.000.000	7,16%	1.431.000.000	7,16%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58,35%	11.670.000.000	58,35%
Tổng cộng	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	7.733.857.899	368.136.519
Cộng	7.733.857.899	368.136.519

18. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.343.295.146	155.676.819
Cộng	3.343.295.146	155.676.819

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.072.278.273	1.453.277.828
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.211.660	79.148.682
Các khoản chi phí QLDN khác	22.445.461	807.897.662
Cộng	1.716.935.394	2.343.324.172

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.275.917.206	1.475.277.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.964.897.497	234.825.501
Chi phí khác	22.445.461	814.206.880
Cộng	5.263.260.164	2.524.310.209

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí công trình Quảng Trạch	447.684.616	-
Chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án (không được duyệt)	1.545.454.545	-
Phạt thực hiện hợp đồng	-	1.753.669.602
Chi phí khác	62.681.322	80.113.593
Cộng	2.055.820.483	1.833.783.195

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	-	-

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông lớn
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	Chung quản lý
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Chung quản lý
Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Ngoài số dư được trình bày ở Thuyết minh số 5 và 13 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, Văn phòng Công ty có nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

Bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.347.110.290	-

Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	219.500.000	219.500.000

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng tại S3, T17, toà nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng thuê văn phòng số 14/2015/TVP/TCT319-PVPE và thuê đến ngày 13/01/2019, chi phí thuê văn phòng ghi nhận vào trong năm là 504.273.000 VND. Sau thời gian kết thúc hợp đồng thuê, Công ty đã chuyển trụ sở sang Phòng 1201, tầng 12, tòa nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, đây là trụ sở của Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (cổ đông lớn của Công ty) và Công ty không phát sinh chi phí thuê văn phòng tại đây.

25. THÔNG TIN KHÁC

Ông Lê Hải Đường được bổ nhiệm là Giám đốc của Công ty từ ngày 26/03/2019. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang làm các thủ tục để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tại thời điểm lập và phát hành báo cáo tài chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người chịu trách nhiệm pháp lý đối với báo cáo tài chính này.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.



Zhang Zheng Ming
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
Người lập biểu